TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2021
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Giang

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Đỗ Thị Anh Đ**, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Lê Văn N**, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Đỗ Thị Anh Đ trình bày: bà và ông Lê Văn N tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 12/3/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân do ông N ghen tuông vô cớ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn N. Về con chung, có 02 con chung tên Lê Quốc C (nam), sinh ngày 02/4/2009 và Lê Bá T (nam), sinh ngày 09/4/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Phía bị đơn – ông Lê Văn N trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có những cải vã nhưng là mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, không có gì trầm trọng đến mức ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N vì muốn các con có cả cha và mẹ cùng chăm lo cho con. Về con chung, trong trường hợp bà N kiên quyết xin ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Quốc C (nam), sinh ngày 02/4/2009 và Lê Bá T (nam), sinh ngày 09/4/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị Anh Đ và ông Lê Văn N tiến đến hôn nhân năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 12/3/2007 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà Đ có đơn khởi kiện đối với ông N về việc yêu cầu ly hôn và xin nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và nuôi con". Ông N có nơi cư trú tại ấp A, xã N, huyện P, TP. Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

[2] Theo lời trình bày của bà Đ, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2017 do ông N ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cải vã, xung đột. Dù đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không được, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên bà Đ yêu cầu ly hôn. Phía ông N không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ thương con, muốn vợ chồng chung sống cùng nuôi dạy con cái. Tuy ông N, bà Đ có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn ông bà không có biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét, tình trạng hôn nhân của ông N bà Đ đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng thương yêu, quan tâm lẫn nhau không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, cả bà Đ và ông N đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Quốc C (nam), sinh ngày 02/4/2009 và cháu Lê Bá T (nam), sinh ngày 09/4/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo đơn xác nhận ngày 29/10/2020 bà Đ là người đang trực tiếp nuôi con, hai cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Do đó, để ổn định về mọi mặt cho các con, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, cả hai không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Anh Đ đối với ông Lê Văn N.

- *Về con chung*: giao Lê Quốc C (nam), sinh ngày 02/4/2009 và Lê Bá T (nam), sinh ngày 09/4/2012 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Đ nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017679 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H. P ;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã M;
- Lưu HS (2b).